

đang ở với chị. Ly hôn chị xin nuôi 02 cháu T và P, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về điều kiện nuôi con chị có đủ điều kiện để nuôi 02 con chung cụ thể về chỗ ở chị đang ở tại nhà của bố mẹ đẻ chị và thu nhập là lương làm thuê 07 triệu đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa.

Tòa án triệu tập anh Nguyễn Văn V đến tòa để giải quyết việc chị Nguyễn Thị L xin ly hôn nhưng anh V đều vắng mặt không lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/7/2024 mẹ đẻ anh V là bà Nguyễn Thị C khai chị L, anh V mâu thuẫn như thế nào bà không rõ. Tòa án có giao Thông báo thụ lý vụ án số 88/TB-TLVA và nhiều giấy triệu tập cho anh V yêu cầu anh đến Tòa để giải quyết việc chị L xin ly hôn, nhưng anh V không có mặt ở nhà nên bà có nhận thay, sau khi bà nhận các giấy tờ trên bà có thông báo cho anh V biết qua điện thoại, anh V có nói với bà là anh bận không về Tòa để giải quyết được, quan điểm của anh là chị L xin ly hôn anh đồng ý, về con chung anh đồng ý để chị L nuôi tất cả hai con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung anh không yêu cầu giải quyết. Hiện tại anh V đang làm gì, ở đâu, địa chỉ cụ thể của anh V như thế nào bà không rõ.

Tại biên bản xác minh ngày 11/7/2024, UBND xã Y, huyện Y, tỉnh V cho biết anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã Y. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị như thế nào địa phương không rõ, hiện anh V làm gì và địa chỉ cụ thể của anh V ở đâu địa phương không rõ.

Tại biên bản xác minh ngày 12/8/2024, UBND xã D, huyện D, tỉnh N cho biết Anh V và chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị như thế nào địa phương không rõ, hiện anh V làm gì và địa chỉ cụ thể của anh V ở đâu địa phương không rõ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Tòa án đã chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành quy định của tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Bách T sinh ngày 25/3/2020 và cháu Nguyễn Văn Đức P, sinh ngày 27/5/2021. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí, chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh V. Bị đơn anh V có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã Y, huyện Y, tỉnh V. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh V đã được tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng anh V vắng mặt. Tại phiên tòa lần 2 anh V vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Vinh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Nguyễn Văn V ngày 06/6/2019 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh N đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do mâu thuẫn dẫn đến rạn nứt tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho anh V đến tòa để hòa giải nhưng anh V cũng không đến chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L xử cho anh chị ly hôn để các bên ổn định cuộc sống riêng của mình.

[4] Về con chung: Chị L anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Bách T, sinh ngày 25/3/2020 và cháu Nguyễn Văn Đức P, sinh ngày 27/5/2021. Hiện 02 cháu đang ở với chị. Ly hôn chị xin nuôi 02 cháu T và P, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị L là tự nguyện và phù hợp thực tế và pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh V không trình bày lời khai nên

không rõ quan điểm. Nếu sau khi ly hôn anh V có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn Bách T, sinh ngày 25/3/2020 và cháu Nguyễn Văn Đức P, sinh ngày 27/5/2021 (Hiện 02 cháu đang ở với chị). Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003274 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã D (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Thuận